TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:23/2020/DS-ST
Ngày: 31/8/2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Huỳnh Thị Cẩm Hồng
2. Ông Lâm Kim Mến

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Đằng – Thư ký Toà án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2019/TLST-DS, ngày 19 tháng 12 năm 2019 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020QĐXXST-DS, ngày 02/06/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Yến N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 06 D, ấp Nội , thị trấn Phước L, huyện Phước L, tỉnh Bạc L.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Phấn K (có mặt).

Địa chỉ: Số 104 đường Dương Minh Q, khóm 8, phường 3, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc T. (Theo văn bản ủy quyền ngày 7/11/2019).

-*Bị đơn*: Ông Thang Vĩnh T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Lương Văn H, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Phấn K trình bày:

Do quen biết nhau nên vào năm 2018 bà Trương Yến N có cho ông Thang Vĩnh T vay số tiền 250.000.000đ cụ thể như sau:

+ Vào ngày 03/12/2018 cho ông T vay 100.000.000đ, hình thức nhận tiền vay là bà N chuyển tiền số tiền là 90.000.000đ vào tài khoản của ông T, số tài khoản là 070072822216 mở tại Ngân hàng Sacombank, số 10.000.000đ bà Như giao tiền mặt trực tiếp cho ông T, không làm biên nhận.

+ Vào ngày 17/12/2018 bà N cho ông Tr vay tiếp số tiền 150.000.000đ, hình thức cho vay là bà N chuyển khoản vào tài khoản cho ông T hai lần, một lần 100.000.000đ và một lần là 50.000.000đ.

Mục đích ông T vay tiền là để kinh doanh, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, ông T đã đóng lãi cho bà N được 8 tháng lãi, mỗi tháng là 5.000.000đ, riêng có một tháng ông T chỉ đóng được 2.500.000đ, như vậy số tiền lãi đã đóng là 37.500.000đ, từ tháng 9/2019 đến nay ông T ngưng đóng lãi cũng không trả vốn cho bà N.

Nay bà Như yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền vốn là 250.000.000đ và lãi theo quy định là 1,66%/tháng từ ngày 05/08/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Tại biên bản lấy lời khai của cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Xuyên ông Thang Vĩnh T trình bày: Ông T thừa nhận vào ngày 03/12/2018 và ngày 17/12/2018 ông có vay tiền của bà N đúng như bà N trình bày, tổng số tiền bà N cho ông vay vốn là 250.000.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, ông đã đóng lãi cho bà N từ khi vay cho đến tháng 08/2019, từ tháng 9/2019 đến nay ông chưa đóng lãi và trả vốn cho bà N. Do ông vay tiền của bà N để cho người khác vay lại nhưng do không thu hồi nợ được nên còn nợ bà N số tiền trên.

Hiện nay ông Thang Vĩnh T đã bỏ địa phương đi không rõ địa chỉ. Toà án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại địa phương nhưng ông T cũng không đến Toà án để tham gia Hoà giải và tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết về ý kiến của ông Trường đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX buộc bị đơn phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vốn và lãi là 296.968.349đ. Đối với ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- ***Về tố tụng***: Đối với bị đơn ông Thang Vĩnh T hiện nay đã bỏ địa đi nơi khác sinh sống mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật

dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, do đó Toà án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định và áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông T theo quy định pháp luật.

- Về nội dung:

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền vốn là 250.000.000đ và lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng, HĐXX xét thấy:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền vốn là 250.000.000đ và lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày ngưng đóng lãi đến nay và có cung cấp chứng cứ là tờ 03 tờ ủy nhiệm chi của Ngân hàng Sacombank về việc chuyển số tiền 240.000.000đ vào tài khoản của ông Thang Vĩnh T.

Mặc dù tại phiên tòa ông T vắng mặt, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai trước đây do bà N có yêu cầu cơ quan điều tra công an huyện Mỹ Xuyên giải quyết thì ông T đã thừa nhận ông có hợp đồng vay tiền của bà Như đúng như bà N đã trình bày, cụ thể vào ngày 03/12/2018 vay 90.000.000đ, ngày 17/12/2018 vay 150.000.000đ, ngoài ra có một lần ông T vay 10.000.000đ không làm biên nhận, như vậy ông T đã vay của bà N tổng cộng 250.000.000đ vốn, lãi suất 2%/tháng, sau khi vay ông đã đóng lãi đến ngày 05/08/20019 thì ngưng đóng cho đến nay. Nay do không có khả năng nên ông T không thể thanh toán cho bà N theo yêu cầu bà N được. Do đó căn cứ vào Điều 92 quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật.

Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vay tiền của nguyên đơn nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Ngoài ra bị đơn sau khi vay chỉ đóng lãi cho nguyên đơn được một thời gian thì bỏ địa phương đi không cung cấp địa chỉ cho nguyên đơn, vì vậy nguyên đơn mới khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền nợ và lãi suất theo quy định.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là có căn cứ để chấp nhận, HĐXX cần buộc ông Thang Vĩnh T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trương Yến N số tiền vốn còn nợ là 250.000.000đ là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

- Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn HĐXX xét thấy: Đối với phần tiền lãi mà nguyên đơn đã nhận của bị đơn là 08 tháng bằng số tiền tổng cộng là 37.500.000.000đ. Xét thấy: Mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận 2%/tháng là cao hơn mức lãi mà pháp luật quy định vì vậy cần phải tính lại số tiền lãi đã nhận này từ ngày vay là các ngày 03/12/2018, ngày 31/12/2018 cho đến ngày 05/08/2019 theo lãi suất quy định là 20%/năm (1,66%/tháng) cụ thể như sau:

- Đối với số tiền vay vốn 100.000đ từ ngày 03/12/2018 đến ngày 05/08/2019 là 08 tháng 02 ngày: 100.000.000đ x 1,66%/tháng x 08 tháng 02 ngày = ***13.390.666đ***

- Đối với số tiền vay vốn 150.000đ từ ngày 17/12/2018 đến ngày 05/08/2019 là 07 tháng 18 ngày: 150.000.000đ x 1,66%/tháng x 07 tháng 18 ngày = ***18.924.000đ***

- Như vậy số tiền lãi theo quy định là 13.390.666đ + 18.924.000đ = **32.314.666đ**.

- Số tiền lãi bị đơn nhận nhiều hơn là 37.500.000đ – 32.314.666đ = **5.185.334đ.**

Cần trừ số lãi chênh lệch vào vốn: 250.000.000đ - 5.185.334đ = 244.814.666đ

Số tiền vốn *244.814.666* này nguyên đơn được tính lãi theo mức lãi suất quy định là 20%/năm từ ngày 06/8/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/8/2020) là 12 tháng 25 ngày, cụ thể như sau:

244.814.666đ x 1,66%/tháng x 12 tháng 25 ngày = 52.153.683đ

Như vậy tổng số tiền vốn và lãi bị đơn cần phải trả cho nguyên đơn là:

244.814.666 + 52.153.683đ = **296.968.349đ** (trong này vốn là 244.814.666đ, lãi là 52.153.683đ).

Từ những phân tích nêu trên xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là có căn cứ để chấp nhận, HĐXX cần xử buộc ông Thang Vĩnh T có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trương Yến N số tiền vốn và lãi còn nợ tổng cộng ***296.968.349đ.***

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 14.848.417đ, nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật

[3] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX buộc ông T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà N số tiền còn nợ vốn và lãi 296.968.349đ. Như đã phân tích ở trên xét thấy đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 40, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 277 khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Yến N.

1/. Buộc bị đơn ông Thang Vĩnh T phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn bà Trương Yến Như số tiền vốn và lãi tổng cộng là **296.968.349đ (***Hai trăm chín mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi chín đồng*).(Trong này vốn là 244.814.666đ và lãi là 52.153.683đ).

- Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn bà N có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông T còn phải trả lãi cho bà Như theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Trương Yến N không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000đ *(Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)* theo biên lại thu số 0000111, ngày 19/12/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn ông Thang Vĩnh T phải chịu án phí là 14.848.000đ *(Mười bốn triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Xuyên;*
- *Chi cục THADS huyện MX;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải